

BẢNG GIÁ CÁC LOẠI ĐẤT NĂM 2008 TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG

(Kèm theo Quyết định số 49/2007/QĐ - UBND ngày 18 tháng 12 năm 2007 của UBND tỉnh Lâm Đồng)

A. ĐẤT Ở TẠI KHU VỰC ĐÔ THỊ:

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
I	THỊ TRẤN THẠNH MỸ	
1	Đất có một mặt tiền tiếp giáp với quốc lộ 27	
	Từ giáp ranh giới xã Lạc Lâm đến hết dốc Bà Ký	240
	Từ hết dốc Bà Ký đến hết Km 184 + 500	720
	Từ hết KM 184 + 500 đến hết nhà văn hóa huyện	1.200
	Từ hết nhà văn hóa huyện đến hết UBND thị trấn Thạnh Mỹ	1.560
	Từ hết UBND thị trấn Thạnh Mỹ đến hết công 5	1.440
	Từ hết công 5 đến hết ngã ba xây dựng	960
	Từ hết ngã ba xây dựng đến hết Km 181 + 500	720
	Từ hết Km 181 + 500 đến giáp ranh giới xã Đa ròn	540
2	Đường nhánh trong thị trấn Thạnh Mỹ	
	Đường Lê Thị Pha	216
	Đường Lý Tự Trọng	
	+Từ giáp QL27 đến hết trường Dân tộc nội trú huyện	300
	+Từ hết trường Dân tộc nội trú huyện đến giáp đường Nguyễn Trí Thanh	240
	Đường Nguyễn Thị Minh Khai (Từ giáp quốc lộ 27 và đến 300m)	300
	Đường Trần Bình Trọng	300
	Đường Nguyễn Trí Thanh	

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Lý Tự Trọng	300
	+Từ giáp đường Lý Tự Trọng đến giáp đường Phạm Ngọc Thạch	216
	Đường Phan Chu Trinh (từ giáp QL27 vào đến 120m)	300
	Đường Phan Bội Châu: Từ QL 27 đến giáp đường Lê Thị Hồng Gấm	300
	Đường Võ Thị Sáu	420
	Đường phía Tây UBND thị trấn Thạnh Mỹ	420
	Đường Nguyễn Văn Trỗi: từ giáp QL 27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	420
	Đường Lê Thị Hồng Thắm	300
	Đường Phạm Ngọc Thạch	
	+Từ giáp QL 27 đến hết Trung tâm y tế huyện	720
	+Từ giáp Trung tâm Y tế huyện đến giáp đường Nguyễn Trí Thanh	408
	+Từ giáp đường Nguyễn Trí Thanh đến cầu ông Thiều	240
	Đường Chu Văn An: Từ giáp đường Âu Cơ đến chợ Thạnh mỹ	420
	Đường Nguyễn Viết Xuân, Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Đình Chiểu	300
	Đường Trần Hưng Đạo	300
	Đường Âu Cơ:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Chu Văn An	420
	+Từ giáp đường Chu Văn An đến giáp đường Trần Hưng Đạo	300
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Nguyễn Văn Linh	240
	Đường Lê Văn Tám: Từ giáp QL27 đến giáp đường Lương Thế Vinh	420
	Đường Lương Thế Vinh	300
	Đường Lạc Long Quân:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Trần Hưng Đạo	420
	+Từ giáp đường Trần Hưng Đạo đến giáp đường Âu Cơ	240
	Đường Huỳnh Thúc Kháng	420

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Đường Nguyễn Văn Linh:	
	+Từ giáp QL27 đến giáp đường Âu Cơ	420
	+Từ giáp đường Âu Cơ đến giáp đường Phan Đình Giót	216
	Đường Thế Lữ	240
	Đường Trần Phú: Từ giáp QL27 Đến cổng Công an huyện	420
	Đường Bà Huyện Thanh Quan	420
	Đường Hoàng Diệu	420
	Đường Quang Trung	180
	Đường Nguyễn Thái Bình	300
	Đường Xuân Diệu: Từ giáp QL27 đến giáp đường Thế Lữ	360
	Đường Nguyễn Du	360
	Đường Nguyễn Văn Cừ	300
	Đường Phan Đình Phùng: Từ giáp QL27 đến nhà máy Ươm tơ cũ	240
	Đường từ tiếp giáp QL27 đến hết XN Vạn Đức	360
	Đường Đinh Tiên Hoàng: Từ giáp QL27 đến lò gạch ông Chín Dân	240
	Khu vực chợ Thạnh Mỹ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	480
	Các đường qui hoạch phía Tây nam chợ Thạnh Mỹ	360
	Các đường qui hoạch mặt đường rộng 5m trở lên	300
	Các đường qui hoạch mặt đường rộng từ 3 đến 5m	240
	Đất tại các khu vực không thuộc điểm 1,2,3,4 Mục I Phần A	156
II	THỊ TRẤN D'RAN	
1	Đất có một mặt tiền tiếp giáp với quốc lộ 27 hoặc quốc lộ 20	
	Từ giáp ranh giới xã Lạc Xuân đến cầu Lạc Thiện	480
	Từ cầu Lạc Thiện đến đường rẽ vào xóm Láng	600
	Từ đường rẽ vào xóm Láng đến ngã ba bùng binh Thị trấn Dran	960

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Từ ngã ba thị trấn Dran đến cầu Dran	1.200
	Từ cầu Dran đến ngã ba đường 412	840
	Từ ngã ba đường 412 đến cư xá điện Đa Nhim	504
	Từ cư xá điện Đa nhim đến công bể	324
	Từ công bể đến giáp ranh giới Tỉnh Ninh Thuận	180
	Từ ngã ba QL 27 đi Ql 20 đến cưa chùa Giác Hoàng	300
	Từ cưa chùa Giác Hoàng đến giáp ranh giới xã Xuân Trường của Tp Đà Lạt	180
2	Đường nhánh trong thị trấn Dran	
	Đường vào bệnh viện cũ; Đường Bà Triệu đến công Quảng Lạc	960
	Đoạn từ công Quảng Lạc đi chân đập Đa Nhim đến hết khu dân cư	360
	Khu chợ và khu xung quanh chợ (có một mặt tiếp giáp với chợ)	960
	Đường Hai Bà Trưng	840
	Từ nhà hàng Trung Dung Đến ngã 4 ông Hậu	960
	Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ ngã 4 ông hậu đến Ngô Quyền	600
	Đường Trần Quốc Toàn đoạn từ Ngô Quyền đến Bà Triệu	720
	Đoạn từ ngã 4 ông hậu đến cầu khóm 3	504
	Đường từ cầu khóm 3 đến hành lang bảo vệ đập Đa Nhim	324
	QL 27 đi Quảng Lạc vào đến 400m	360
	QL 27 (trạm thuế tới Quán dòng Hồ Trường) đi vào đến 300m	480
3	Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412	
	Từ ngã 3 QL 27 đến cầu Lam Phương	420
	Từ cầu Lam Phương đến giáp ranh xã Lạc Xuân	240
4	Đất tại các Thôn HaMaSin, Kalkil	72
5	Đất tại các khu vực không thuộc điểm 1,2,3,4 Mục II Phần A	156

B. ĐẤT Ở TẠI KHU VỰC NÔNG THÔN:

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
I	KHU VỰC I	
1	Xã Dạ Ròn	
a	Đất có mặt tiếp giáp với QL 27	
	Từ ranh giới TT Thạnh mỹ đến cống thủy lợi ngang qua QL 27	324
	Từ cống thủy lợi ngang qua QL 27 đến cống giữa 2 thôn Suối Thông B và Suối Thông A	432
	Từ cống giữa 2 thôn Suối Thông B và Suối Thông A đến ngã ba vào trường tiểu học Dạ Ròn	360
	Từ ngã 3 đường vào trường tiểu học Dạ Ròn đến ngã ba đường vào Thôn I	432
	Từ Ngã ba đường vào Thôn I đến cầu Bắc Hội	360
b	Đường Liên Thôn, Liên Xã	
	Từ ngã ba QL 27 đến cống gác hồ Dạ Ròn	156
	Từ ngã ba suối Thông B QL 27 đến ngã tư chợ Thôn Suối Thông B	204
	Từ ngã 3 QL 27 Đến cầu Nông Trường bò sữa	120
2	Xã Lạc Lâm	
a	Đất có mặt tiếp giáp với QL 27	
	Từ ranh giới TT Thạnh mỹ đến hết Trạm vật tư nông nghiệp	360
	Từ Trạm vật tư nông nghiệp đến cầu Lạc Sơn	600
	Từ cầu Lạc Sơn đến ranh giới UBND xã	960
	Từ ranh giới đất UBND xã đến Trạm thuế xã	1.200
	Từ ranh giới đất Trạm thuế xã đến giáp ranh Lạc Xuân	840
b	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
	Từ ngã ba Ql 27 (Km 187) đến cầu Ka đô	504
c	Các đường nối với QL 27	
	Từ Ql 27 đến cống ông Xừ (Thôn Quỳnh Châu Đông)	360
	Từ cống ông Xừ đến hết nhà ông Sỹ (Thôn Lạc Thạnh)	300
	Các đường nhánh còn lại từ tiếp giáp Ql 27 vào đến 200m	360

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Từ QL 27 đến xóm Sinh Lạc Lâm Làng	300
	Từ QL 27 đến gốc sừa Thôn Yên Khê Hạ	300
d	Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	
	Dãy phía nam	264
	Dãy phía bắc	240
3	Xã Lạc Xuân	
a	Đất có mặt tiếp giáp với QL 27	
	Từ giáp ranh giới xã Lạc Lâm đến giáp ranh đất TTHọcLạc Xuân	840
	Từ giáp ranh đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến công lộ Laboui	360
	Từ công lộ Laboui đến ngã ba Châu Sơn	480
	Từ ngã ba Châu Sơn đến công Km 195 + 900 (QL 27)	600
	Từ công Km 195 + 900 (QL 27) đến giáp cầu Lạc Xuân 1	360
	Từ cầu Lạc Xuân 1 đến giáp ranh giới Thị trấn Dran	360
	Từ QL 27 đến cầu Châu Sơn	300
b	Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412	
	Từ giáp ranh giới Thị trấn Dran đến cầu Diom B	240
	Từ cầu Diom B đến cầu Tân Hiên	300
	Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412	180
4	Xã Ka Đô	
a	Đất có một mặt tiếp giáp với đường 412	
	Từ cầu Tân Hiên đến dốc Lò than	300
	Từ dốc Lò than đến ngã 4 Trường Hiệp Đức	480
	Từ Trường Hiệp Đức đến ngã 3 UBND xã	720
b	Đất có mặt tiền tiếp giáp với đường 413	
	Từ cầu Ka đô đến giáp cụm Công nghiệp Ka đô	504
	Từ giáp cụm Công nghiệp Ka đô đến ngã 3 UBND xã	720
	Từ ngã 3 UBND xã đến ngã 3 Trường Trung học Ka đô	960

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Từ ngã 3 Trường Trung học Ka đô đến giáp ranh xã Quảng Lập	600
c	Khu trung tâm chợ Ka đô	
	* Có một mặt tiếp giáp chợ	
	Phía đông bắc chợ	1.020
	Phía tây nam chợ	1.020
	Phía đông nam chợ	600
	* Đường sau chợ, bên hông chợ	
	Đường phía sau đông bắc chợ	384
	Đường phía sau tây nam chợ	384
	Đường phía sau đông nam chợ	324
	Từ ngã 4 ông Thành đến Chùa Giác Quang	324
	Từ ngã 4 ông Phụ đến ngã ba ông Hiệp	240
	Từ giáp huyện lộ 413 đến nhà ông Bảy Hòa	240
	Từ giáp huyện lộ 413 đến nhà ông Sự	240
d	Đường liên xã (đi Pró, Quảng Lập)	
	Từ ngã 4 Trường Hiệp Đức đến ngã 4 ông Thành	360
	Từ ngã 4 ông Thành đến ngã ba ông Gọn	240
	Từ ngã ba ông Gọn đến giáp đường đi thôn Đông hồ xã Pró	120
5	Xã Quảng Lập	
a	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
	Từ ranh giới xã Ka đô qua ngã 3 đầu tiên đi Pró 150m (tới đầu dốc)	480
	Từ giáp ranh Ka đô đến ngã 3 Bà Ký	156
	Từ đầu dốc đến ngã 3 chợ cũ đi Pró	600
	Từ ngã 3 chợ cũ đường vào xã Pró đến ngã 3 Trạm xá xã Quảng Lập	780
	Từ ngã 3 Trạm xá xã Quảng Lập đến cầu Sạp	480
	Từ cầu Sạp đến ngã 3 rẽ đi Ka đơn	300
	Từ ngã 3 rẽ đi Ka đơn đến hết Trường cấp 2 - 3 Pró	432
	Từ ranh giới đất Trường cấp 2 - 3 Pró đến ngã 3 UBND xã Pró	336
	Từ ngã 3 chợ cũ đi xã Pró đến ngã 3 Bà Ký	432
	Từ ngã 3 Bà Ký đến giáp ranh giới xã Pró	336
	Từ ngã 3 giáp Trạm xá Quảng Lập đến hết Trường cấp II Đinh Tiên	540

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Hoàng	
	Từ ranh giới đất Trường cấp 2 Đình Tiên Hoàng đến cầu Quảng Lập	420
b	Khu trung tâm chợ cũ	
	Đường số 1 (Từ trạm xá xã đến ngã tư chợ và giáp đường 413)	480
	Từ ngã tư chợ đến trường mẫu giáo Hoàng Anh	216
6	Xã PRÓ	
a	Khu trung tâm xã, Liên xã	
	Từ giáp ranh giới Quảng Lập đến hết đường qui hoạch khu Trung tâm	300
	Các đường trong khu Trung tâm có một mặt tiếp giáp với đường qui hoạch	216
b	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
	Từ tiếp giáp cuối khu qui hoạch Trung tâm xã đến giáp ranh xã Ka Đơn	336
7	Xã Ka Đơn	
a	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
	Từ giáp ranh xã Pró đến cầu Ka Đơn	300
	Từ cầu Ka Đơn đến hết khu Trung tâm (đầu Thôn Ka Rái 2)	300
	Từ giáp khu Trung tâm (đầu Thôn Ka Rái 2) đến giáp ranh giới xã Tu Tra	216
	Từ giáp đường 413 đi Hòa Lạc	84
b	Khu trung tâm xã	
	Khu Trung tâm có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	336
8	Xã Tu Tra	
a	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
	Từ giáp ranh giới Ka Đơn đến cầu ông Quý	240
	Từ cầu ông Quý đến cây xăng Lạc Thạnh	360
	Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch Trung tâm xã	480
	Từ khu qui hoạch Trung tâm xã đến cuối thôn Lạc Thạnh	240
b	Khu Trung tâm xã	
	Các đường qui hoạch còn lại trong khu Trung tâm xã	300
c	Đường Liên Thôn, Liên Xã	
	Từ ngã 3 sao mai đến cầu ông Thiều	132
	Từ tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C đến tập đoàn 4 Thôn Suối Thông C	132
	Từ giáp khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 3 đi R'lom, Ma đánh	132

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	ĐƯỜNG, KHU VỰC HOẶC ĐỊA DANH	Đơn giá đất
	Từ cây xăng Lạc Thạnh đến ngã 3 đường lên Công ty APOLLO	132
	Từ ngã 3 đường lên Công ty APOLLO đến cầu Nông trường Bò sữa	132
	Từ Trường tiểu học Kămbute đến cầu nông trường bò sữa	132
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	
1	Xã Dạ Ròn	84
2	Xã Lạc Lâm	108
3	Xã Lạc Xuân	
	+ Phía bắc sông Đa Nhim	96
	+ Phía nam sông Đa Nhim	72
4	Xã Ka Đô	96
5	Xã Quảng Lập	84
6	Xã PRó	72
7	Xã Ka Đơn	72
8	Xã Tu Tra	72
III	KHU VỰC III: Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã	
1	Xã Dạ Ròn	60
2	Xã Lạc Lâm	84
3	Xã Lạc Xuân	
	+ Phía bắc sông Đa Nhim	72
	+ Phía nam sông Đa Nhim	60
4	Xã Ka Đô	72
5	Xã Quảng Lập	60
6	Xã PRó	36
7	Xã Ka Đơn	36
8	Xã Tu Tra	36

C. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP:

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ; đất phi nông nghiệp khác (bao gồm đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở

sáng tác văn hóa nghệ thuật), bằng giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

2. Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, bằng 60% giá đất ở cùng đường phố, cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

3. Đối với đất sử dụng vào các mục đích công cộng theo qui định tại điểm b khoản 5 Điều 6 Nghị định số 181/2004/NĐ-CP và các loại đất cho các công trình xây dựng khác của tư nhân không nhằm mục đích kinh doanh và không gắn liền với đất ở: đất làm nhà nghỉ, lán, trại cho người lao động; đất đô thị được sử dụng để xây dựng nhà phục vụ mục đích trồng trọt, kể cả các hình thức trồng trọt không trực tiếp trên đất; đất xây dựng chuồng trại chăn nuôi động vật được pháp luật cho phép; đất xây dựng trạm, trại nghiên cứu thí nghiệm nông nghiệp, lâm sản, thủy sản; đất xây dựng nhà kho, nhà của hộ gia đình, cá nhân để chứa nông sản, thuốc bảo vệ thực vật, phân bón, máy móc, công cụ sản xuất nông nghiệp, bằng 85% giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp liền kề hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất qui định tại điểm 2 - mục C trên đây.

4. Đối với đất nghĩa trang, nghĩa địa, bằng 50% mức giá của đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp tại vùng lân cận gần nhất quy định tại điểm 2 - mục C trên đây.

D. ĐẤT NÔNG NGHIỆP:

Được xác định theo 3 khu vực và 3 vị trí như sau:

Khu vực 1: Thị trấn Thạnh Mỹ, Dran, Xã Lạc Lâm, Phía Bắc sông Đa Nhim của Lạc Xuân;

Khu vực 2: Phía nam sông Đa Nhim của Lạc Xuân; xã Đa Ròn, xã Ka Đô, xã Quảng Lập;

Khu vực 3: Xã P'ró, Ka Đơn, Tu Tra.

Vị trí 1: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi 500m

Vị trí 2: Là những vị trí mà khoảng cách gần nhất từ lô đất đến mép lộ giới của quốc lộ, tỉnh lộ, đường liên huyện và đường liên xã trong phạm vi từ 500m đến 1.000m.

Vị trí 3: Các vị trí còn lại;

I. Đất trồng cây hàng năm, đất trồng cây lâu năm, nuôi trồng thủy sản:

ĐVT: 1.000đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
1	Khu vực 1	26	21	13
2	Khu vực 2	21	17	10
3	Khu vực 3	13	10	7

II. Đất vườn ao, đất nông nghiệp nằm xen kẽ:

1. Giá đất trong các trường hợp sau được qui định bằng 1,5 lần mức giá đất trồng cây lâu năm ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn các xã;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu vực dân cư nông thôn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư nông thôn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

2. Giá đất trong các trường hợp sau được qui định bằng 02 lần mức giá đất trồng cây hàng năm của vùng có đất vườn, ao ở vị trí 1 cùng vùng, cùng khu vực:

- Đất vườn, ao trong cùng thửa đất có nhà ở nhưng không được xác định là đất ở thuộc địa bàn thị trấn;

- Đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn đã được xác định ranh giới theo quy hoạch được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xét duyệt. Trường hợp đất nông nghiệp nằm trong phạm vi khu dân cư thị trấn chưa có quy hoạch được xét duyệt thì xác định theo ranh giới của thửa đất có nhà ở ngoài cùng của khu dân cư.

III. Đất rừng sản xuất:

DVT: 1.000đồng/m²

STT	Khu vực	Vị trí 1	Vị trí 2	Vị trí 3
		7	6	4

Vị trí 1: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường quốc lộ, tỉnh lộ;

Vị trí 2: Là những diện tích đất có mặt tiếp giáp với đường liên huyện, liên xã;

Vị trí 3: Là những diện tích còn lại.

IV. Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng và rừng cảnh quan

- Đất rừng phòng hộ, rừng đặc dụng: Tính bằng 90% giá đất rừng sản xuất cùng khu vực

- Đất rừng cảnh quan: Tính bằng 110% giá đất rừng sản xuất cùng khu vực.